



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU (MÃ CK: SSG)**

Số 40 đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận quận 7 Tp. HCM

Tel: (84-28) 3.8.732338; Fax: 08.28. 3.8.732909

E-mail: [opr-dept@seagullshipping.com.vn](mailto:opr-dept@seagullshipping.com.vn)

Website: [www.seagullshipping.com.vn](http://www.seagullshipping.com.vn)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2022**

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2023*



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Số 40 đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận, Quận 7, Tp. HCM

Tel: (84-28) 3.8.732338 Fax: (84-28) 3.8.732909

E-mail: [opr-dept@seagullshipping.com.vn](mailto:opr-dept@seagullshipping.com.vn)


Website: [www.seagullshipping.com.vn](http://www.seagullshipping.com.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

## Mã CK : SSG

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát: Lịch sử hoạt động của Công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu
- Tên viết tắt : SESCO
- Tên Tiếng Anh : SEAGULL SHIPPING COMPANY
- Biểu tượng của Công ty : 
- Giấy CNĐKKD : Số 4103000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/10/2018.
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ : Số 40 đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận, Quận 7, Tp. HCM.
- Điện thoại : (84-028) 3.8.732338
- Fax: : (84-028) 3.8.732909
- Webside : [www.seagullshipping.com.vn](http://www.seagullshipping.com.vn)
- Mã chứng khoán : SSG

- ***Quá trình hình thành và phát triển:***

Năm 2000, theo chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu được thành lập theo quyết định số 29/2000/QĐ-TTg ngày 28/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ. Từ một công ty nhà nước trực thuộc Công ty vận tải Biển Việt Nam (Vosco) chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần.

Tại thời điểm cổ phần hóa, tài sản của Công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu là tàu vận tải hàng khô mang tên Southern Star, có tải trọng 6.500 DWT, đóng năm 1983, trị giá tài sản khoảng 13,5 tỷ đồng và vốn điều lệ là 15.000.000.000 đồng. Hiện nay vốn điều lệ công ty là 50.000.000.000 đồng

Kinh doanh vận tải biển là hoạt động kinh doanh chính. Tàu công ty chuyên chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa giữa các cảng quốc tế. Vùng hoạt động của đội tàu Công ty không hạn chế. Đội tàu công ty từ 01 con tàu trọng tải 6.500 tấn khi thành lập đến cuối năm 2006 đội tàu phát triển thành 04 tàu với tổng trọng tải trên 30.000 tấn. Từ năm 2008 đến năm 2014 công ty đã bán 03 tàu, mua mới 01 tàu. Ngày 24/07/2018, công ty đã bàn giao tàu cho Ngân hàng tài trợ dự án mua tàu Sea Dragon để tất toán khoản vay. Từ 31/12/2018 đến nay, công ty còn 01 tàu với tổng trọng tải 13.316 tấn đóng tháng 12/2006.

Cuối năm 2008, công ty đầu tư mua trụ sở số 12, đường Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh. Tháng 07/2018, công ty đã bán trụ sở này và tháng 09/2018 mua trụ sở mới tại số 40 đường số 1 khu phố 3, phường Bình Thuận Tp. Hồ Chí Minh.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn cố gắng tuân thủ pháp luật tại Việt Nam và pháp luật quốc tế. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, không nợ đọng thuế.

Ngày 05/01/2011, cổ phiếu công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SSG. Do bị lỗ 3 năm liên tiếp, ngày 15/05/2015, cổ phiếu công ty bị hủy niêm yết tại HNX.

Từ ngày 03/06/2015, cổ phiếu công ty (SSG) niêm yết và đăng ký giao dịch tại thị trường UPCOM.

**2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:***

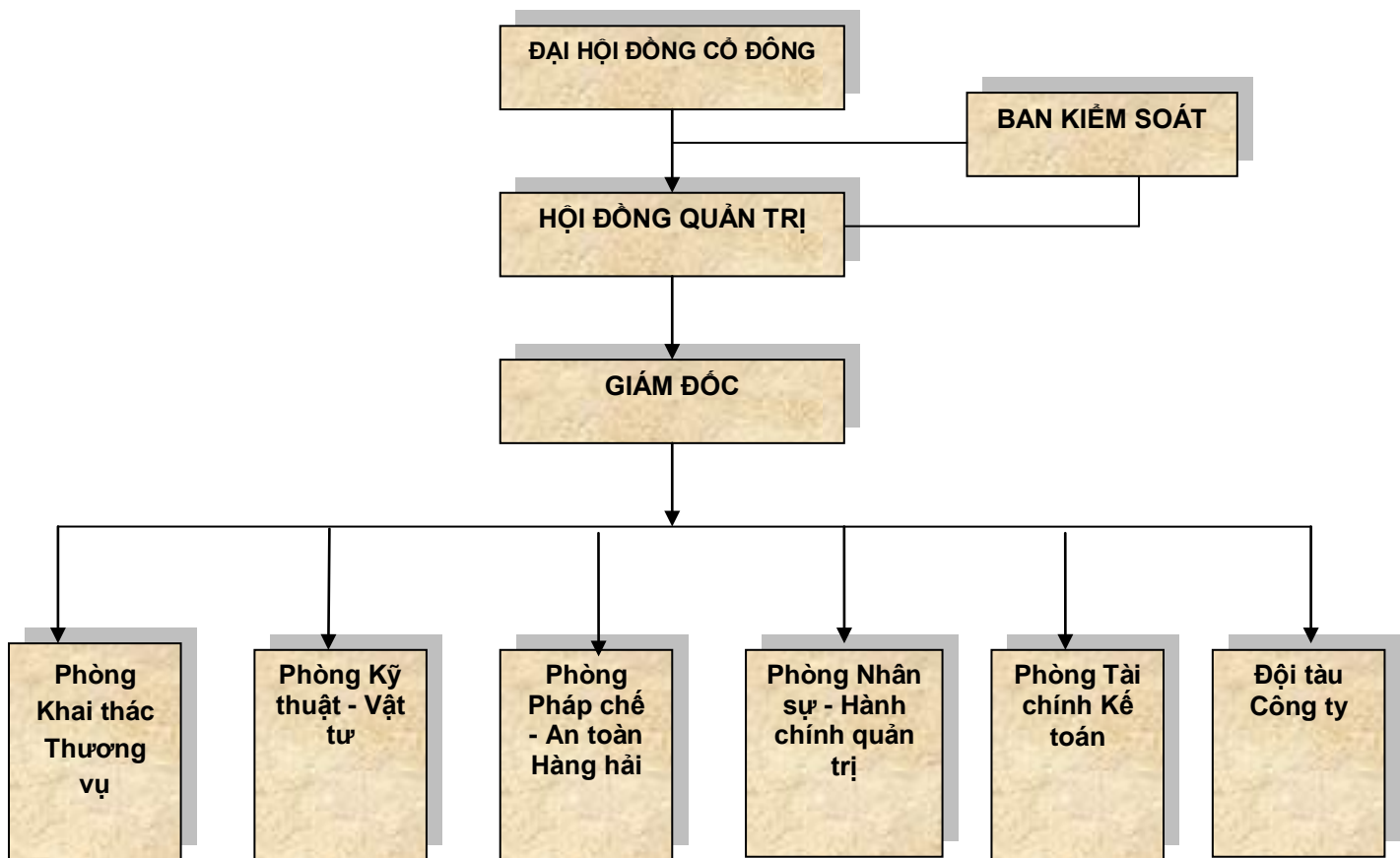
- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Địa bàn kinh doanh: Vận tải hàng hóa giữa các cảng trong nước, giữa cảng trong nước và quốc tế, giữa các cảng quốc tế. Các tàu của công ty chủ yếu hoạt động ở khu vực Đông Nam Á và Bắc á.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ Luật Hàng Hải và các luật khác có liên quan



### 4. Định hướng phát triển

- Công ty cố gắng trẻ hóa, tăng trọng tải đội tàu. Tuy nhiên, hiện nay kinh doanh vận tải biển gặp rất nhiều khó khăn nên tạm thời công ty chưa đầu tư thêm tàu, phát triển các dịch vụ khác.

- Trong quá trình kinh doanh, công ty luôn tuân thủ theo các quy trình quản lý an toàn đảm bảo an toàn đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

### 5. Các rủi ro:

Sau một thời gian giảm giá, hiện nay giá dầu lại tăng, chi phí nhiên liệu, dầu nhớt là các khoản mục chi phí lớn chiếm tỷ trọng lớn trên doanh thu. Giá dầu tăng, chi phí dịch vụ hàng hải tăng, hàng hóa khan hiếm, tàu chạy rỗng nhiều mà giá cước vận tải giảm khiến cho các doanh nghiệp vận tải biển hiện nay gặp rất nhiều khó khăn. Khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh covid xảy ra ở khu vực và thế giới ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh doanh vận tải biển. Ngoài ra, thời tiết cũng là một yếu tố bất khả kháng ảnh hưởng đến an toàn của con người, tài sản và hàng hóa vận chuyển, thời gian xếp dỡ hàng hóa. Để ngăn ngừa rủi ro, công ty luôn tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm như bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu đối với bên thứ ba, bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

## II. Tình hình hoạt động trong năm năm 2022

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2022:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nội dung	Thực hiện Cùng kỳ năm trước	Năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)	
		Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[2]	[6]=[4]/[3]
Tổng doanh thu	29,34	70,87	100,53	343%	142%
Lợi nhuận sau thuế	4,10	32,21	58,38	1424%	181%

- Doanh thu của Công ty chủ yếu từ lĩnh vực vận tải biển, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Tổng doanh thu năm 2022 của Công ty là 100,53 tỷ đồng, đạt 142% kế hoạch, bằng 343% năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế là 58,38 tỷ đồng bằng 1.424% so với năm ngoái, bằng 181% so kế hoạch.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 tăng mạnh so với năm 2021 và kế hoạch được giao chủ yếu do giá cước cho thuê tàu tăng cao, doanh thu tiền gửi tiết kiệm, chênh lệch tỷ giá, tàu Sea Dream không trích khấu hao. Năm 2022, Công ty đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành và các cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đặng Hồng Trường	Giám đốc từ 01/06/2021	0,10%
2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc bổ nhiệm từ 02/07/2021	0,52%
3	Lê Thanh Hà	Kế toán trưởng	0,10%
4	Trần Ngọc Nam	Trưởng phòng Khai thác và Pháp chế An toàn	0%

**- Lý lịch Ban điều hành:**

**a. Ông Đặng Hồng Trường, Thành viên HĐQT, Giám đốc từ 01/06/2021**

1. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tổ chức và Quản lý vận tải .

2. Quá trình công tác:

Từ 1995-2000	Chuyên viên phòng Khai thác, phòng Kế Toán Công ty Vận tải biển Việt Nam (Vosco)
Từ 2000-2001	Kế toán trưởng công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu
Từ 2001-2007	Chuyên viên, Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Vosco
Từ 2007-2018	Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Vosco
Từ 2018-2020	Trưởng phòng Nhân sự Thuyền viên
Từ 2020-đến nay	Phó Tổng Giám đốc Vosco; Giám đốc công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco) từ 01/06/2021

**b. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phó Giám đốc từ 02/07/2021**

1. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh.

2. Quá trình công tác:

Tháng 12/2010- tháng 06/2014	Thực tập sinh, cán bộ ngân hàng, Giám đốc quan hệ khách hàng, citibank Việt Nam
Tháng 07/2014- tháng 08/2017	Trưởng dự án Bancassurance, Manulife Việt Nam
Tháng 09/2017- tháng 12/2021	Trưởng phòng Hoạch định đầu tư, công ty Harvey Law Group
Tháng 12/2019 – đến nay	Đồng sáng lập & Thành viên HĐQT công ty Cổ phần giáo dục Digiciti
Tháng 7/2021- đến nay	Phó Giám đốc công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco)

**b. Bà Lê Thanh Hà - Kế toán trưởng**

1. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Vận tải biển

2. Quá trình công tác:

Từ 1997-1999	: Làm việc tại phòng Tài chính - Kế toán Vosco
Từ 1999-2000	: Làm việc tại Sesco trực thuộc Vosco
Từ 2000-đến nay	: Làm việc tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu

- Số lượng nhân viên công ty vào ngày 31/12/2022 là 26 người.

## **- Chính sách đối với người lao động:**

### **❖ Chính sách tuyển dụng, huấn luyện và đào tạo:**

Do công ty chỉ còn 1 tàu nên để cắt giảm chi phí, công ty không tuyển thêm người khi Trưởng phòng Khai thác, Trưởng phòng Kỹ thuật khi cán bộ giữ vị trí này về hưu, chuyển công việc, chỉ thuê tư vấn chuyên môn. Ngày 01/07/2021, bổ sung thêm chức danh Phó Giám đốc.

Nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng của thuyền viên làm việc trên các con tàu trong điều kiện nặng nhọc nguy hiểm, công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động để bổ sung nguồn nhân lực. Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng công khai, rộng rãi, đúng chuyên môn nghiệp vụ. Sau khi tuyển dụng, được Công ty huấn luyện cơ bản để thuyền viên nhanh chóng làm quen với môi trường làm việc mới, đảm bảo hoàn thành công việc được giao.

### **❖ Chính sách bảo đảm an toàn lao động:**

Mọi chức danh làm việc trên tàu đều được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn phù hợp, được trang bị phòng hộ cá nhân đảm bảo yêu cầu an toàn. Tổ chức mạng lưới an toàn vệ sinh, đảm bảo đôn đốc, nhắc nhở thực hiện quy trình an toàn trong từng ca làm việc.

### **❖ Chính sách tiền lương:**

Lương là đòn bẩy để tăng năng suất lao động và tăng cường hiệu quả công tác. Các nước xung quanh thu hút thuyền viên với mức lương cao. Nguồn cung thuyền viên khan hiếm nên lương của thuyền viên tăng cao. Đây là một khó khăn trong khai thác tàu hiện nay. Chính sách tiền lương được xây dựng trên cơ sở đảm bảo hài hòa các lợi ích của công ty và Người lao động, phù hợp đặc thù của ngành nghề đi biển và thị trường lao động.

### **❖ Chính sách phúc lợi:**

Công ty chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên và thuyền viên, thường xuyên thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ. Tàu của Công ty đều có phòng câu lạc bộ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ đời sống tinh thần thuyền viên khi làm việc trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm.

## **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Đầu năm 2022, thị trường vận tải đang rất tốt nhưng đến cuối năm lao dốc. Công ty đã tạm dừng không đàm phán, giao dịch với các đơn vị môi giới mua bán tàu để chờ thời cơ thuận lợi hơn.

## **4. Tình hình tài chính:**

### **a. Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	27.150	86.400	318,23%
Doanh thu thuần	29.267	93.793	320,47%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.106	65.567	1.596,86%
Lợi nhuận khác	-	5.264	
Lợi nhuận trước thuế	4.106	70.831	1.725,06%
Lợi nhuận sau thuế	4.106	58.384	1.421,92%
Mức chia cổ tức	Không chia	37%	

***b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:***

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
<b><i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></b>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	0,78	3,72
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,77	3,69
<b><i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></b>		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,62	0,20
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,60	0,26
<b><i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></b>		
- Vòng quay Hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/ Tồn kho bình quân	99,94	77,15
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản (lần)	1,08	1,09
<b><i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</i></b>		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	14,03%	62,25%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	39,38%	84,85%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	15,12%	67,57%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	14,03%	69,91%



\* *Về khả năng thanh toán:* Hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số khả năng thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ. Hệ số khả năng thanh toán công ty năm 2022 cao hơn nhiều lần so với năm 2021. Điều này cho thấy, khả năng thanh toán trong ngắn hạn của công ty đã được cải thiện rõ rệt so với 01/01/2022. (Đầu năm khả năng thanh toán hiện thời, khả năng thanh toán nhanh đều <1), khả năng thanh toán tổng quát là 4,91 lần >2 phản ánh khả năng thanh toán của doanh nghiệp rất tốt, tuy nhiên hiệu quả sử dụng vốn có thể không cao và đòn bẩy tài chính thấp.

\* *Về cơ cấu vốn:* Năm 2022, đòn bẩy tài chính giảm nhiều so với năm 2021. Năm 2022, hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty giảm so với năm 2021. Đây là dấu hiệu cho thấy tình hình tài chính công ty rất tốt.

\* *Về hiệu quả sinh lời:* Các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2022 cao hơn năm 2021. Năm 2022, công ty xóa được lỗ lũy kế sau nhiều năm khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh chính có lãi cao nên các chỉ số về khả năng sinh lời cao hơn năm 2021.

## **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

### **a. Cổ phần**

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 5.000.000 cổ phiếu phổ thông (Năm triệu cổ phiếu).

- Trung tâm lưu ký chứng khoán quản lý sổ cổ đông công ty. Danh sách cổ đông chỉ được cung cấp khi công ty thực hiện các quyền cổ đông theo luật định.

### **b. Cơ cấu cổ đông:**

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% vốn trở lên) :

<b>STT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ</b>
1	Tổng Cty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV	26,46%
2	Bà Nguyễn Thị Mai Phương	23,19%
3	Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	8,82%
4	Cty CP Quản Lý Quỹ Tín Phát	8,82%
5	Ông Nguyễn Hải Ninh	9,26%
6	Cổ đông nhỏ	23,45%

### **c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm, vốn điều lệ của Công ty không thay đổi: 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng) do không phát sinh đợt tăng vốn cổ phần nào.

### **d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 18.810 cổ phiếu. Trong năm không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

*c. Các chứng khoán khác:*

Công ty không có trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của công ty là vận tải biển. Đây là ngành dịch vụ không phải ngành sản xuất nên không có nguyên vật liệu đầu vào.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a. *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp:* các tàu khi vận hành khai thác sử dụng dầu D/O và F/O. Ngoài ra trên văn phòng tiêu thụ điện sinh hoạt.

b. *Năng lượng tiết kiệm:*

- Vận hành tàu hoạt động với tốc độ hợp lý để giảm thiểu mức tiêu hao nhiên liệu. Trong sinh hoạt của Thuyền viên, tiết kiệm điện để giảm nhiều liệu cho máy đèn.

- Đối với điện sinh hoạt trên văn phòng: Tiết kiệm điện tối đa: Ra vào đóng cửa, tắt đèn. Hạn chế bật điều hòa. Sử dụng các năng lượng thiên nhiên khi điều kiện thời tiết cho phép.

c. *Các báo cáo, sáng kiến, tiết kiệm năng lượng:* Hạn chế sử dụng điều hòa trong khối văn phòng nhằm giảm sự thoát nhiệt ra ngoài không khí và thải khí CO<sub>2</sub>. Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty tạo bóng mát để giảm thiểu công suất làm việc các thiết bị làm mát.

6.3 Tiêu thụ nước:

a. *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:*

+ Đối với các tàu vận hành trên biển: Nước được mua từ các nhà cung cấp dịch vụ tàu biển khi cập cảng và được dự trữ trong các két nước. Ngoài ra, tàu công ty có thể sản xuất được nước ngọt từ nước biển. Trung bình tàu Sea Dream sử dụng gần 8 tấn nước/ ngày. Nước được dùng để phục vụ sinh hoạt cho thuyền viên và rửa hầm hàng sau khi dỡ hàng, làm mát máy.

+ Đối với khối văn phòng: Nước được mua từ các công ty cấp nước và phục vụ cá nhân trong thời gian làm việc tại văn phòng. Khối lượng nước sử dụng hàng tháng khoảng 25 m<sup>3</sup>/ tháng.

b) *Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng*

+ Trên các tàu biển, khi chạy biển các tàu có thể lọc được khoảng 4 tấn nước ngọt/ ngày. Lượng nước trung cất này chỉ sử dụng để rửa hầm hàng, tắm giặt không dùng để nấu nướng hay ăn uống.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Do các tàu của công ty hoạt động không giới hạn trên các vùng biển trên thế giới. Chính vì vậy, công ty luôn luôn tuân thủ nghiêm ngặt luật pháp của Việt

nam và các nước sở tại trong đó có pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm công ty không bị xử phạt vi phạm vì luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:*

Số lượng người lao động công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 26 người.

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:* Người lao động công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ. Ngoài ra công ty còn tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu với bên thứ ba, tham gia bảo hiểm tai nạn thuyền viên 24/7. Công ty tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động và gia đình theo đúng quy định của pháp luật.

c) *Hoạt động đào tạo người lao động:*

Nghề đi biển là ngành nghề độc hại, nguy hiểm. Các thuyền viên khi nhập tàu đều qua các lớp huấn luyện an toàn từ cơ bản đến nâng cao, cứu sinh, cứu hỏa. Ngoài ra theo quy định của pháp luật, khi trên biển định kỳ người lao động phải tổ chức thực tập cứu sinh, cứu hỏa.

- *Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:*

Thuyền viên công ty đảm bảo số giờ đào tạo theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế.

- *Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp*

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động học tập, phát triển chuyên môn. Người lao động có chuyên môn nghiệp vụ cao là nhân tố quan trọng đảm bảo cho họ ổn định công việc và phát triển sự nghiệp.

#### *6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

Hàng năm, công ty hỗ trợ tài chính cho chương trình phát triển cộng đồng do chính quyền, Đảng ủy, công đoàn địa phương nơi công ty đóng trụ sở phát động.

*6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:* không.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

##### **1.1. Tổng doanh thu:**

- Tổng doanh thu năm 2022 bằng 342,67% so với năm 2021 (100.536 triệu đồng/ 29.339 triệu đồng), bằng 141,86% so với kế hoạch ĐHCĐ giao (70.868 triệu đồng).

## **1.2. Chi phí tiền lương**

Năm 2022, chi phí tiền lương là 9.285 triệu đồng bằng 96,72% so với phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (9.600 triệu đồng) và bằng 162,38% so với 2021 (5.718 triệu đồng) do công ty phải tăng lương cho thuyền viên phù hợp với thị trường, đảm bảo tuyển đủ thuyền viên vận hành tàu.

## **1.3. Khấu hao cơ bản**

Năm 2022, tàu Sea Dream không trích khấu hao do từ ngày 17/10/2021 tàu đã hết khấu hao, giá trị còn lại tàu Sea Dream bằng 0.

## **1.4. Lợi nhuận sau thuế**

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty 58.384 triệu đồng, bằng 181,25% so với kế hoạch ĐHCĐ giao (32.212 triệu đồng) và bằng 1.421,92% so với năm 2021.

### **\* Những tiến bộ công ty đã đạt được**

Thị trường kinh doanh vận tải biển từ nửa cuối năm 2022 đã dần đi xuống. Đến tháng 10/2022, giá cước xuống thấp bằng giá cước trước lúc tăng năm 2021. Công ty đã kịp thời đàm phán với Người thuê tàu để giữ giá thuê ổn định trong 6 tháng cuối năm 2022 do đó kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt lợi nhuận sau thuế là 58.384 triệu đồng. Như vậy, Công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu của ĐHCĐ giao, đặc biệt Công ty đã xóa được lỗ lũy kế (-39.385 triệu đồng) phát sinh từ nhiều năm trước và còn thặng dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 18.999 triệu đồng. Sau 11 năm chờ đợi, năm 2022 cổ đông đã được chia cổ tức.

## **2. Tình hình tài chính năm 2022:**

### **2.1. Tình hình tài sản**

Tổng tài sản của Công ty là: **86.400 triệu đồng** (bằng **318,23%** so với năm trước (**27.150 triệu đồng**), trong đó một số tài sản chủ yếu như sau:

a) Tổng tài sản ngắn hạn: **65.388 triệu đồng**, chiếm **75,68%** tổng tài sản. Các tài sản chủ yếu là: Tiền và các khoản tương đương tiền (*57.646 triệu đồng*); Các khoản phải thu ngắn hạn (*2.305 triệu đồng*); Nguyên, vật liệu tồn kho (*472 triệu đồng*), Tài sản ngắn hạn khác (*4.965 triệu đồng*).

b) Giá trị còn lại của tài sản cố định là: **11.814 triệu đồng**, chiếm **13,67%** tổng tài sản. Các tài sản cố định chủ yếu là tàu và trụ sở Công ty, cụ thể như sau:

- Ngày 17/10/2021, tàu Sea Dream hết khấu hao. Tuy nhiên, Công ty vẫn thực hiện mua bảo hiểm cho tàu với giá trị tài sản mua bảo hiểm hợp lý để phòng ngừa rủi ro.

- Trụ sở Công ty tại số 40, đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận, quận 7 thành phố Hồ Chí Minh: Nguyên giá (hữu hình và vô hình): 12.191 triệu đồng, giá trị còn lại: 11.814 triệu đồng (bằng 96,91% nguyên giá). Trong đó: nguyên giá vô hình quyền sử dụng đất 10.000 triệu đồng không trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Các khoản chi phí trả trước dài hạn là: **9.194 triệu đồng**, chiếm **10,64%** tổng tài sản.

## **2.2. Tình hình vốn**

Tổng số nguồn vốn của Công ty là: **86.400 triệu đồng** (bằng **318,23%** so với năm trước (**27.150 triệu đồng**), trong đó một số khoản mục chủ yếu như sau. Tổng nợ phải trả là: **17.589 triệu đồng** chiếm **20,38%** tổng nguồn vốn. Tổng vốn chủ sở hữu là: **68.811 triệu đồng** chiếm **79,62%** tổng nguồn vốn.

**2.3. Tình hình tín dụng:** Công ty không có nợ vay dài hạn và ngắn hạn.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tới, cán bộ nhân viên trong công ty không ngừng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý. Ban điều hành chú trọng đến việc bổ nhiệm các cán bộ trẻ, có năng lực vào các vị trí quan trọng trong các phòng nghiệp vụ của công ty để các cán bộ này có điều kiện cọ sát thực tế để kế cận.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Tình hình thị trường kinh doanh vận tải biển trong những năm tới diễn biến khó lường. Công ty cố gắng duy tu, bảo dưỡng để đảm bảo cho con tàu Sea Dream hoạt động an toàn, hiệu quả chờ thị trường khởi sắc sẽ cân đối nguồn tiền quyết định phương án đầu tư mua tàu hoặc đóng mới hoặc mua tàu đã qua sử dụng trong tương lai.

## **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội của công ty**

### *a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng...)*

Việc tiết kiệm nước, năng lượng không chỉ giảm chi phí, giảm giá thành vận tải mà còn bảo vệ môi trường. Sau khi đã nhận thức được điều này, người lao động công ty nâng cao tinh thần tiết kiệm khi tàu trên biển thuyền viên trung cất nước biển lấy nước ngọt dự trữ trong các két của tàu. Vận hành tàu chạy với tốc độ kinh tế để giảm tiêu hao nhiên liệu mà vẫn đảm bảo yêu cầu khai thác. Ngoài ra trong sinh hoạt hàng ngày, thuyền viên cũng tiết kiệm nước ngọt, tiết kiệm điện hơn trước.

Số lượng điện, nước tiêu thụ trong năm 2022 đã giảm hơn do người lao động trên văn phòng đã có ý thức trong việc tiết kiệm điện, nước.

### *b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

Các chế độ chính sách liên quan đến người lao động phù hợp với pháp luật hiện hành giúp người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với doanh nghiệp.

### *c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương*

Tham gia đầy đủ các chương trình hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác thông qua hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Từ đó định hướng cho người lao động công ty có ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương nơi làm việc và nơi sinh sống.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 giao, xóa toàn bộ lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

- Tái cơ cấu khoản vay đóng tàu Sea Dream: Công ty đã tiến hành tái cơ cấu nợ xong với 2 ngân hàng đồng tài trợ đóng tàu Sea Dream còn 1 ngân hàng đang đàm phán do chưa thống nhất được phương án tái cơ cấu.

- Công ty nộp thuế đầy đủ, đúng hạn. Để bảo đảm quyền lợi cho người lao động, công ty đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho người lao động và bảo hiểm tai nạn thuyền viên 24/7; Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu và bảo hiểm thân vỏ theo mức phù hợp với giá trị tàu Sea Dream để bảo toàn vốn.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Ban Giám đốc là thành viên Hội đồng Quản trị nên việc thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty được triển khai nhanh chóng, thuận lợi. Ban Giám đốc thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Công ty đã cố gắng giảm chi tiêu, hạn chế tối đa các chi phí phát sinh trong khai thác tàu; Giám sát chặt chẽ, việc cung cấp, tiêu thụ nhiên liệu, vật tư phụ tùng tránh lãng phí, thất thoát. Công tác quản lý tài chính, bảo toàn phát triển nguồn vốn được thực hiện đúng chính sách, qui định của nhà nước. Quản lý tốt các nguồn thu chi của Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ nghĩa vụ nộp thuế ngân sách cho nhà nước.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

###### **3.1. Kế hoạch năm 2023:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)	So KH 2023/ TH 2022
1	Tổng doanh thu	49.414	100.536	49,15%
2	Lợi nhuận sau thuế	15.616	58.384	26,75%

Kế hoạch sản xuất kinh doanh cho cả năm 2023 xây dựng dựa trên dự báo thị trường cho cả năm. Năm 2023, dự kiến tàu Sea Dream sẽ tiếp tục được cho thuê định hạn.

###### **3.2. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2023:**

Thị trường vận tải biển mấy năm qua biến động khó đoán, vượt ngoài các kênh dự báo. Cuối Quý I/2023 thị trường đã cải thiện hơn so với cuối năm 2022

và đầu năm 2023. Hy vọng thị trường từ nay đến cuối năm thị trường sẽ có nhiều cải thiện hơn. HĐQT sẽ sát cánh cùng Ban điều hành cố gắng.

+ Bám sát tình hình thị trường vận tải biển, lựa chọn phương án khai thác tốt nhất cho tàu, làm việc với Người thuê tàu để điều chỉnh giá thuê tàu phù hợp đảm bảo lợi ích của Công ty.

+ Duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định, liên tục.

+ Triệt để tiết kiệm chi phí, duy trì chất lượng dịch vụ;

+ Đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và lợi ích của các cổ đông.

## V. Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Nhiệm kỳ 2020-2025, Hội đồng Quản trị có 05 Thành viên trong đó 02 thành viên trực tiếp tham gia điều hành, 03 thành viên còn lại không trực tiếp tham gia điều hành.

. Hội đồng quản trị công ty gồm:

STT	Hội đồng quản trị	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Phạm Thị Anh Thư _ Chủ tịch HĐQT _ Đại diện phần vốn Tổng Cty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV	26,46%
2	Trần Ngọc Sơn- Đại diện phần vốn Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	8,82%
3	Đặng Hồng Trường	0,10%
4	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0,52%
5	Nguyễn Đức Mạnh	0%

#### b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Do mô hình công ty nhỏ, gọn nên Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

#### c. Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị bầu ông Đặng Hồng Trường, thành viên Hội đồng quản trị là Người phụ trách quản trị công ty.

#### d. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

+ Các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp với chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập chi tiết rõ ràng và lưu giữ đầy đủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các nghị quyết, quyết định được Hội đồng Quản trị Công ty ban hành sát sao, kịp thời giúp Ban Điều hành thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2022.

+ *Kết quả giám sát đối với Giám đốc:*

Giám đốc công ty là thành viên HĐQT nên việc thực thi các nghị quyết HĐQT được triển khai nhanh chóng, thuận lợi. Công ty hoạt động liên tục, tàu vận hành an toàn không bị off hire, xóa lỗ lũy kế lợi nhuận còn lại chia cổ tức cho cổ đông.

+ *Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý:*

Cán bộ điều hành và các sỹ quan thuyền viên mẫn cán, đồng lòng cùng Giám đốc điều hành cố gắng thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng Cổ đông.

Hội đồng Quản trị đã có sự phối hợp công tác tốt với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty.

## **2. Ban Kiểm soát**

*a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:*

<b>STT</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ</b>
1	Nguyễn Minh Lộc - Trưởng ban	2,30%
2	Lê Thanh Phúc	0,00%
3	Nguyễn Phương Liên	0,63%

*b. Hoạt động của Ban kiểm soát:*

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty khi được mời.
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh, tình hình tài chính, việc chấp hành các chế độ quy định của Nhà nước và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

- Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành để lựa chọn, ký kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật.

+ *Kết quả giám sát Hội đồng quản trị:*

- Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định để triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các Thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp đầy đủ hoặc tham dự họp thông qua ủy quyền tại các cuộc họp cũng như tham gia ý kiến đối với các vấn đề xin ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Quản trị.



- Hội đồng Quản trị đã hành động có trách nhiệm và vì công việc chung.
- Khi tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu của cuộc họp.
- Ban Kiểm soát thấy HĐQT đã có nỗ lực trong công tác quản lý Công ty.

+ *Kết quả giám sát Ban điều hành:*

- Giám đốc và lãnh đạo các phòng ban đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và , HĐQT.
- Ban Điều hành đã có những đề xuất và quyết định phù hợp, chủ động theo tình hình thực tế để điều hành Công ty phù hợp thị trường vận tải biển.
- Ban Điều hành đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.
- Ban Điều hành đã hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty; không có xung đột lợi ích của cổ đông, của Công ty với lợi ích của cá nhân. Các hoạt động của Ban Điều hành và Lãnh đạo các Phòng, Ban Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ, quy định của Công ty.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS:**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 thù lao HĐQT-BKS năm 2022 là 200 triệu đồng. Tuy nhiên, thực tế chi trả là 194 triệu cụ thể như sau:

Tổng số tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách đã chi trong năm 2022 là 194 triệu đồng (kế hoạch là 200 triệu đồng). Chi tiết như sau:

<b>Số TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Tổng thù lao thực hiện 2022 (VND/ năm)</b>
1	Phạm Thị Anh Thư	Chủ tịch HĐQT	39.000.000
2	Trần Ngọc Sơn	TV. HĐQT	33.000.000
3	Nguyễn Đức Mạnh	TV. HĐQT	33.000.000
4	Nguyễn Minh Lộc	Trưởng BKS	33.000.000
5	Lê Thanh Phúc	TV. BKS	28.000.000
6	Nguyễn Phương Liên	TV. BKS	28.000.000
<b>TỔNG</b>			<b>194.000.000</b>

### **VI. Báo cáo tài chính:**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 và phát hành Báo cáo Kiểm toán vào ngày 15 tháng 03 năm 2023.

## 1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TAI SAN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>65.387.729.009</b>	<b>13.087.215.023</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>57.646.249.677</b>	<b>5.927.014.135</b>
1. Tiền	111		36.346.249.677	5.927.014.135
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.300.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.304.899.981</b>	<b>5.664.348.325</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	1.222.766.337	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	5.398.519.952
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	1.082.133.644	265.828.373
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>471.376.507</b>	<b>181.639.517</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.4	471.376.507	181.639.517
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.965.202.844</b>	<b>1.314.213.046</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	2.178.503.171	540.798.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.786.699.673	773.414.730
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.012.556.515</b>	<b>14.063.275.383</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	5.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.814.043.430</b>	<b>11.901.678.374</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	1.814.043.430	1.901.678.374
Nguyên giá	222		179.551.553.549	179.551.553.549
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.737.510.119)	(177.649.875.175)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	10.000.000.000	10.000.000.000
Nguyên giá	228		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.193.513.085</b>	<b>2.156.597.009</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	9.193.513.085	2.156.597.009
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>86.400.285.524</b>	<b>27.150.490.406</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.589.266.724</b>	<b>16.723.093.996</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.589.266.724</b>	<b>16.719.093.996</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	553.234.780	205.132.240
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	8.948.028.720	18.697.552
3. Phải trả người lao động	314	4.10	68.125.208	393.000.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	7.031.469.879	15.134.095.543
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	980.768.087	960.528.611
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.640.050	7.640.050
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>4.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	4.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>68.811.018.800</b>	<b>10.427.396.410</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.13	<b>68.811.018.800</b>	<b>10.427.396.410</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(188.100.000)	(188.100.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.999.118.800	(39.384.503.590)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(39.384.503.590)	(43.490.520.216)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		58.383.622.390	4.106.016.626
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>86.400.285.524</b>	<b>27.150.490.406</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	93.793.087.373	29.267.413.076
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	93.793.087.373	29.267.413.076
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	25.190.249.693	22.527.937.256
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.602.837.680	6.739.475.820
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.479.160.468	72.448.372
6. Chi phí tài chính	22	5.4	402.447.879	40.537.348
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	1.164.630.097	365.569.923
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	2.947.978.078	2.299.800.295
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65.566.942.094	4.106.016.626
10. Thu nhập khác	31	5.7	5.263.772.197	-
11. Lợi nhuận khác	40		5.263.772.197	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.830.714.291	4.106.016.626
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	12.447.091.901	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		58.383.622.390	4.106.016.626
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	11.721	824
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	11.721	824

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN  
TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>70.830.714.291</b>	<b>4.106.016.626</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	87.634.944	7.135.877.212
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		370.550.007	(13.766.403)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(546.433.170)	(56.346)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>70.742.466.072</b>	<b>11.228.071.089</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.884.801.792	(5.420.830.661)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(289.736.990)	87.561.645
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.774.214.232)	(127.610.664)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(8.674.620.931)	2.576.443.022
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.302.704.941)	(3.030.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(3.500.000.000)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>52.081.990.770</b>	<b>5.313.634.431</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		102.759	56.346
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>102.759</b>	<b>56.346</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		-	-
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>52.082.093.529</b>	<b>5.313.690.777</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.927.014.135	599.556.955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(362.857.987)	13.766.403
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>57.646.249.677</b>	<b>5.927.014.135</b>

Mẫu số B 09 – DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 11 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Quốc tịch	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
TCT Hàng Hải VN – CTCP	Việt Nam	13.230.000.000	26,46	13.230.000.000	26,46
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Việt Nam	11.596.100.000	23,19	10.568.300.000	21,14
TCT Bảo Việt Nhân Thọ	Việt Nam	4.410.000.000	8,82	4.410.000.000	8,82
Cty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (VN)	Việt Nam	4.409.000.000	8,82	4.409.000.000	8,82
Ông Nguyễn Hải Linh	Việt Nam	4.631.500.000	9,26		
Các cổ đông khác	Việt Nam	11.723.400.000	23,45	17.382.700.000	34,76
<b>Cộng</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b><u>100</u></b>	<b>50.000.000.000</b>	<b><u>100</u></b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 40 Đường số 1, Khu phố 3, p. Bình Thuận, Quận 7, Tp. HCM, VN.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 26 (31/12/2021: 29).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;

- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

#### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

### **3.4. Nợ phải thu**

#### **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### **Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5. Hàng tồn kho**

#### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường



Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

### **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

## **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

### **Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

### **Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 50 năm      |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 05 năm      |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 20 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 năm      |

### **3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### **Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

### **3.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến mua vật tư và chi phí sửa chữa tàu. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ từ 2 tháng đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ 3 tháng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 2 năm đến 3 năm.

### **3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.10. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo

nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### **Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.12. Doanh thu cung cấp dịch vụ, thu thập khác**

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### **Lãi tiền gửi**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

### **3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

### **3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp;

chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

### **3.16. Thuế**

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ vận tải biển: 0%
- Dịch vụ vận tải biển: 0%

#### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

## 4.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
- Tiền mặt	43.963.894	10.183.498
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.302.285.783	5.916.830.637
- Các khoản tương đương tiền	21.300.000.000	-
<b>Cộng:</b>	<b><u>57.646.249.677</u></b>	<b><u>5.927.014.135</u></b>

### 4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu của Seapioneer Shipping Co., Ltd.

### 4.3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 31/12/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn	546.330.411	-	47.697.600	-
- Tiền ăn tàu Sea Dream	317.672.460	-	47.697.600	-
- Phải thu bảo hiểm bồi thường	218.130.773	-	218.130.773	-
<b>Cộng:</b>	<b><u>1.082.133.644</u></b>	<b><u>=</u></b>	<b><u>265.828.373</u></b>	<b><u>=</u></b>

### 4.4. Hàng tồn kho

Chủ yếu là dầu nhớt và phụ tùng thay thế phục vụ cho tàu biển.

### 4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện, Vận tải, truyền dẫn, VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 01/01/2022	2.190.873.689	177.360.679.860	179.551.553.549
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>2.190.873.689</b>	<b>177.360.679.860</b>	<b>179.551.553.549</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Tại ngày 01/01/2022	289.195.315	177.360.679.860	177.649.875.175
Khấu hao trong năm	87.634.944	-	87.634.944
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b><u>376.830.259</u></b>	<b><u>177.360.679.860</u></b>	<b><u>177.737.510.119</u></b>

**Giá trị còn lại:**

Tại ngày 01/01/2022	1.901.678.374	-	1.901.678.374
Tại ngày 31/12/2022	<b><u>1.814.043.430</u></b>	=	<b><u>1.814.043.430</u></b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 177.360.679.860 VND.

**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**4.7. Chi phí trả trước:**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí sửa chữa tàu và công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.178.503.171	540.798.316
<i>Dài hạn</i>		
Chi phí sửa chữa tàu	8.965.473.908	1.655.316.201
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	228.039.177	501.280.808
<b>Cộng:</b>	<b>9.193.513.085</b>	<b>2.156.597.009</b>

**4.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Kỹ Thuật Phanta	207.038.280	207.038.280		
Hộ kinh doanh Thanh Long Quyên – Trần Tiến Anh Triều	90.267.000	90.267.000		
Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Kỹ Thuật Điện, Điện Tử Hàng Hải	56.160.000	56.160.000		
Segero Enterprise	53.843.000	53.843.000	131.239.920	131.239.920
Phải trả cho các đối tượng khác	145.926.500	145.926.500	73.892.320	73.892.320
<b>Cộng:</b>	<b>553.234.780</b>	<b>553.234.780</b>	<b>205.132.240</b>	<b>205.132.240</b>

**4.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	Tại ngày 31/01/2022 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
	Thuế GTGT			-

Thuế TNDN	8.947.091.901	12.447.091.901	3.500.000.000	
Thuế TNCN	936.819	78.823.596	97.174.729	19.287.952
Các loại thuế khác	-	590.400	-	(590.400)

**Cộng:** **8.948.028.720**    **12.529.778.624**    **3.600.447.456**    **18.697.552**

Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước				(590.400)
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.948.028.720			19.287.952

#### 4.10. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho một số thuyền viên

#### 4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí bảo hiểm tàu	74.300.765	71.034.797
Chi phí lãi vay (*)	6.797.169.114	14.363.646.252
Phải trả tiền dầu DO, dầu FO và tạm ứng	160.000.000	699.414.494
<b>Cộng:</b>	<u><b>7.031.469.879</b></u>	<u><b>15.134.095.543</b></u>

(\*) Là khoản lãi vay được gia hạn còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam từ các năm trước.

#### 4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	-	2.360.524
Phải trả cổ tức	807.073.600	807.073.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	173.694.487	151.094.487
<b>Cộng:</b>	<u><b>980.768.087</b></u>	<u><b>960.528.611</b></u>

#### 4.13. Vốn chủ sở hữu

##### 4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	50.000.000.000	(188.100.000)	(43.490.520.216)	6.321.379.784
Lãi trong năm trước			4.106.016.626	4.106.016.626
Tại ngày 31/01/2022	50.000.000.000	(188.100.000)	(39.384.503.590)	10.427.396.410
Lãi trong năm nay			58.383.622.390	58.383.622.390
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<u><b>50.000.000.000</b></u>	<u><b>(188.100.000)</b></u>	<u><b>18.999.118.800</b></u>	<u><b>68.811.018.800</b></u>

#### 4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/12/2022 VND
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP	13.230.000.000	13.230.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	11.596.100.000	10.568.300.000
Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	4.410.000.000	4.410.000.000
Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (VN)	4.409.000.000	4.409.000.000
Ông Nguyễn Hải Linh	4.631.500.000	-
Các cổ đông khác	11.723.400.000	17.382.700.000
<b>Cộng:</b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>

#### 4.13.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/12/2022 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(18.810)	(18.810)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.981.190	4.981.190
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.		

#### 4.13.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	58.383.622.390	4.106.016.626
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm	4.981.190	4.981.190
<b>Lãi cơ bản và lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>11.721</u></b>	<b><u>824</u></b>

#### 4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/12/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.541.927,79	254.161,13

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	93.760.360.100	29.245.594.894
Doanh thu cho thuê văn phòng	32.727.273	21.818.182
<b>Cộng</b>	<b><u>93.793.087.373</u></b>	<b><u>29.267.413.076</u></b>



Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển năm nay tăng gấp 320% so với năm trước chủ yếu là do giá cước cho thuê tàu vận tải biển tăng cao trong năm 2022, cụ thể giá cước cho thuê bình quân năm 2022 tăng gấp 295% so với giá cước cho thuê bình quân năm 2021.

## 5.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ

Là giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê văn phòng.

## 5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	546.433.170	56.346
Lãi chênh lệch tỷ giá	932.727.298	72.392.026
<b>Cộng</b>	<b><u>1.479.160.468</u></b>	<b><u>72.448.372</u></b>

## 5.4. Chi phí tài chính

Chủ yếu là lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

## 5.5. Chi phí bán hàng

Là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

## 5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	1.701.795.456	1.591.946.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.507.959	18.442.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.634.944	87.634.944
Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.189.807	54.888.612
Chi phí khác bằng tiền	1.072.849.912	543.888.412
<b>Cộng</b>	<b><u>2.947.978.078</u></b>	<b><u>2.299.800.295</u></b>

## 5.7. Thu nhập khác

Là khoản miễn lãi theo thông báo số 55/2022/TB-HCM ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) và theo thông báo số 034564.21 ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB).

## 5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.066.394.362	2.809.744.583
Chi phí nhân công	10.622.218.908	6.707.160.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.634.944	7.135.877.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.273.073.810	6.640.993.699
Chi phí khác bằng tiền	3.258.535.844	1.899.531.699
<b>Cộng</b>	<b><u>29.302.857.868</u></b>	<b><u>25.193.307.474</u></b>

## 6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là cho thuê tàu vận tải biển và hoạt động hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

## 7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Danh sách các bên liên quan

1. TCT Hàng Hải Việt Nam – CTCP
2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
3. Bà Nguyễn Thị Mai Phương

### Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể  
Nhân sự quản lý chủ chốt  
Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Thù lao Hội đồng quản trị trong năm như sau:

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bà Phạm Thị Anh Thư – Chủ tịch HĐQT	39.000.000	17.000.000
Ông Trần Ngọc Sơn – Thành viên HĐQT	33.000.000	14.500.000
Ông Nguyễn Đức Mạnh – Thành viên HĐQT	33.000.000	14.500.000
Ông Đặng Hồng Trường – Thành viên HĐQT	-	6.041.667
<b>Cộng</b>	<b><u>105.000.000</u></b>	<b><u>52.041.667</u></b>

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Đặng Hồng Trường – Giám đốc	279.000.006	168.456.002
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Phó Giám đốc	236.402.773	124.898.986
Ông Nguyễn Hữu Hoàn – Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/06/2021)	-	157.723.000
<b>Cộng</b>	<b><u>515.402.779</u></b>	<b><u>451.077.988</u></b>

## 8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Nguyễn Minh Lộc – Trưởng ban	33.000.000	14.500.000
Ông Lê Thanh Phúc – Thành viên	28.000.000	12.500.000
Bà Nguyễn Phương Liên – Thành viên	28.000.000	12.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>89.000.000</u></b>	<b><u>39.500.000</u></b>

## 09. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	32.727.273	21.818.182

## 10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31 tháng 12 năm 2022 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoại trừ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 như đã nêu, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023*

**CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

**Giám đốc điều hành**



**ĐẶNG HỒNG TRƯỜNG**